

Số: 832/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 25 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Kết luận số 12-KL/TU ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 81/BC-KTNS ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Toàn bộ phạm vi phần lãnh thổ tỉnh Hưng Yên với tổng diện tích tự nhiên 2.638 km² và phần không gian biển với diện tích khoảng 487 km², gồm 104 đơn vị hành chính cấp xã. Phía Bắc giáp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hải Phòng; phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình; phía Đông giáp thành phố Hải Phòng và Biển Đông; phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội và tỉnh Ninh Bình.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn 2045; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan.

b) Chủ động nhận diện sớm, tận dụng nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó, phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người Hưng Yên là nền tảng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn chiến lược, vững vàng, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, vượt qua giới hạn, tạo đột phá phát triển, đưa Hưng Yên tiến nhanh, tiến kịp, tiến cùng và vượt lên các địa phương khác. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tạo môi trường thuận lợi nhất huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Tạo bước đột phá về tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và tính hiệu quả, sức cạnh tranh của tỉnh; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất. Thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh.

c) Phát triển Hưng Yên nhanh và bền vững dựa vào khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực. Phát triển công nghiệp hiện đại là chủ đạo, đô thị văn minh là trung tâm và kinh tế biển bền vững là chủ lực. Phát triển theo hướng xanh - tuần hoàn - số hóa - sáng tạo, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và phát triển xã hội, hướng tới mục tiêu xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp - dịch vụ hiện đại, đô thị xanh thông minh và là đầu mối phát triển năng động của vùng đồng bằng sông Hồng.

d) Phát huy giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng anh hùng và con người Hưng Yên trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Phát triển tỉnh Hưng Yên mới lấy con người làm trung tâm và mục tiêu của phát triển, bảo đảm mọi chính sách hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi và hạnh phúc của nhân dân. Văn hóa, lịch sử và truyền thống hiếu học, cần cù, sáng tạo của người dân Hưng Yên được coi là nền tảng tinh thần và nguồn lực nội sinh cho phát triển bền vững.

đ) Phát triển tỉnh Hưng Yên theo hướng tăng trưởng nhanh, toàn diện và bền vững, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường và thể chế. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải carbon thấp, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính. Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nhất là khu vực ven sông và vùng ven biển; bảo tồn hệ sinh thái, rừng ngập mặn và đa dạng sinh học. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, rừng và biển; phát triển kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, nông nghiệp sinh thái và đô thị ven biển theo hướng xanh, thích ứng và bền vững.

e) Phát triển đô thị và nông thôn hài hòa, lấy đô thị hóa làm động lực tái cấu trúc không gian kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống đô thị xanh, thông minh, hạ tầng đồng bộ, hướng tới mục tiêu Hưng Yên mới trở thành cực tăng trưởng năng động của vùng đồng bằng sông Hồng và cửa ngõ phát triển ra biển Đông.

g) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng xã hội ổn định, hài hòa, đoàn kết, trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh; xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị phát triển, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, hướng tới mục tiêu xây dựng Hưng Yên mới phát triển nhanh, bền vững, an toàn và hội nhập sâu rộng.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, bền vững hơn với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt hai con số; đẩy mạnh cơ cấu lại thực chất, hiệu quả hơn nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nhà nước tại doanh nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và môi trường kinh doanh. Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Hưng Yên là nền kinh tế năng động, phát triển nhanh, bền vững dựa trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển xanh; bảo đảm an ninh năng lượng; xã hội hài hòa; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ an toàn. Tạo lập đồng bộ các yếu tố nền tảng cơ bản của nền công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh, kinh tế biển mạnh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao toàn diện chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về phát triển kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP, theo giá so sánh) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10-11%/năm, phấn đấu đạt trên 11%/năm;

+ GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 209 triệu đồng (tương đương khoảng 8.000 USD), phấn đấu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước.

+ Quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đến năm 2030 đạt khoảng 686 nghìn tỷ đồng.

+ Cơ cấu kinh tế trong GRDP đến năm 2030: khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 8%; khu vực công nghiệp, xây dựng: 60%; khu vực dịch vụ: 27,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,5%.

+ Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.100.000 tỷ đồng; tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP bình quân trong giai đoạn 2026-2030 đạt 47,6%.

+ Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2026-2030 đạt 50%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt trên 55%.

- Về phát triển xã hội

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt 0,79.

+ Tuổi thọ bình quân đến năm 2030 đạt 76,8 năm; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 70 năm.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030 đạt trên 40,5%.

+ Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 100%.

+ Đến năm 2030, số bác sỹ/1 vạn dân đạt trên 15 bác sỹ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt trên 43 giường bệnh; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100% dân số; tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 60%.

+ Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hằng năm đạt 100%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2030 đạt dưới 0,5%.

- Về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt 100%.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đạt 100%; tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội: bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; thực hiện tốt phòng, chống các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Trong giai đoạn 2026-2030, hằng năm kiểm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

3. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2035, Hưng Yên là tỉnh công nghiệp hiện đại, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I. Đến năm 2045, Hưng Yên là thành phố thông minh, sinh thái trực thuộc Trung ương; có nền công nghiệp hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đến năm 2050, kinh tế phát triển hiện đại, số hóa và tuần hoàn, đạt phát thải ròng bằng “0”; hạ tầng đồng bộ, thông minh và kết nối đa chiều. Xã hội kỷ cương, ổn định, hài hòa, đoàn kết, an ninh, an toàn, văn minh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc. Nhân dân có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc. Hưng Yên là thành phố thông minh đáng sống của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Cải cách, xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu quả, toàn diện trên các mặt thể chế, chính sách, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy chính quyền, chế độ công vụ và tài chính công; xây dựng chính quyền số và nâng cao chất lượng dịch vụ công, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đảm bảo thông thoáng, thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; bãi bỏ các rào cản, hạn chế quyền tự do kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

- Phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở 05 trụ cột chủ yếu: (1) Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế nhằm thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao; (2) Phát triển nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm hiệu quả, bền vững; (3) Phát triển mạnh hệ thống đô thị, thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; (4) Phát triển năng lượng sạch (điện gió ngoài khơi, điện sinh khối, điện khí LNG, Hydrogen xanh...) theo hướng đồng bộ, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh năng lượng; (5) Phát triển kinh tế biển theo mô hình khu kinh tế tự do, gắn kết tổng thể các hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, tiền tệ, tài chính, đô thị, năng lượng, công nghệ, nhân lực, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, dịch vụ vận tải, logistics, cảng biển, sân bay; theo xu hướng tập trung và lan tỏa nguồn nhân lực chất lượng cao, tinh hoa trí tuệ, khuyến khích thử nghiệm, sáng tạo, chia sẻ, tự do kết nối với phần còn lại của thế giới; bảo đảm liên thông chặt chẽ với các địa

phương trong khu vực và được tổ chức quản lý, quản trị theo cơ chế đặc thù, vượt trội, mang tính khác biệt để dẫn dắt phát triển, hình thành cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc.

- Tiếp tục thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại. Xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số là động lực chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân; tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, nút thắt; khơi thông và huy động, sử dụng tối đa, hiệu quả nguồn lực, tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bứt phá, bền vững.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, coi đây là khâu đột phá, động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tiếp tục chú trọng phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh và động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững; thực hiện tốt chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện, có tri thức, kỹ năng, ý thức công dân, có ý chí vươn lên mạnh mẽ và khát vọng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc.

- Nâng cao năng lực bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu vì mục tiêu phát triển bền vững; triển khai đồng bộ các giải pháp chống ô nhiễm môi trường, kiểm soát chặt chẽ, an toàn các nguồn phát thải, từng bước hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0". Đẩy mạnh thực hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh và mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở chuyên đổi số, chuyên đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định, an toàn để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Các đột phá phát triển

- Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách gắn với cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển; xây dựng chính quyền địa phương hai cấp tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính bảo đảm thực chất, nâng cao chất lượng dịch vụ công; đổi mới phương thức quản lý phát triển, quản trị xã hội hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cải thiện liên tục, không ngừng môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để tạo sự đột phá trong huy động nguồn lực phát triển. Tập trung mọi nguồn lực để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và không gian phát triển mới; đầu tư hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, hạ tầng khu công nghiệp, cụm

công nghiệp, hạ tầng đô thị, khu đô thị mới, hạ tầng văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, hạ tầng công nghệ, hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, thủy lợi... Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng là tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển tỉnh bền vững.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, trở thành động lực chủ yếu của mô hình tăng trưởng mới; tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số; thu hút các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo đầu tư vào địa bàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp mới; phát triển lực lượng sản xuất mới, các mô hình, phương thức sản xuất, kinh doanh mới.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số; tăng cường thu hút và trọng dụng nhân tài. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ các cấp đủ năng lực, trình độ, đạo đức, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy chiến lược, năng lực quản trị hiện đại đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh.

III. CÁC PHƯƠNG HƯỚNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng; phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

1.1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; gắn phát triển công nghiệp với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ; phát triển công nghiệp theo hướng sử dụng tiết kiệm tài nguyên, lao động, thân thiện với môi trường, hướng tới cân bằng phát thải và mô hình kinh tế tuần hoàn. Phấn đấu đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng, là tỉnh có nền công nghiệp thông minh, thuộc tốp đầu áp dụng công nghiệp 4.0 và kinh tế số.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, có hàm lượng công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa cao, tạo động lực dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh (công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp dược phẩm- công nghệ sinh học; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến chế tạo hiện đại; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp biển và logistics; công nghiệp truyền thống nâng cấp...).

- Phát huy lợi thế vùng ven biển kết hợp với vùng công nghiệp nội địa để hình thành tổ hợp công nghiệp đa dạng, trong đó tích hợp cả công nghiệp đô thị và công nghiệp biển; xây dựng Khu kinh tế Hưng Yên thành Khu kinh tế tự do, đa ngành làm động lực đột phá cho công nghiệp tỉnh trong tương lai. Phát triển công nghiệp gắn liền với quá trình đô thị hóa; hình thành các khu công nghiệp -

đô thị - dịch vụ quy mô lớn, hiện đại; thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, vận tải và các ngành dịch vụ hỗ trợ công nghiệp.

- Bảo tồn và phát triển tiêu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với nhu cầu thị trường, đồng thời cải thiện điều kiện hạ tầng và môi trường để các cơ sở tiêu thủ công nghiệp và làng nghề phát triển bền vững.

b) Dịch vụ

- Phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, năng suất cao và bền vững, có khả năng hỗ trợ và dẫn dắt sản xuất công nghiệp - xuất nhập khẩu - tiêu dùng, thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế biển; hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ của vùng đồng bằng sông Hồng. Chú trọng phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dựa trên tri thức, công nghệ, hạ tầng số và liên kết chuỗi cung ứng vùng. Hình thành các cụm ngành dịch vụ tập trung có quy mô lớn hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao tại các vùng đô thị, Khu kinh tế tự do để thúc đẩy nhanh hơn quá trình đô thị hóa toàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại; phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở vùng nông thôn gắn với không gian đô thị, nông thôn mới; thúc đẩy mạnh mẽ phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử. Phát triển hệ thống logistics, cảng biển, cảng sông, cảng cạn hiện đại, kết nối chặt chẽ với mạng lưới cảng và trung tâm logistics trong vùng đồng bằng sông Hồng, đưa Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng. Thúc đẩy và từng bước đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Phát triển du lịch Hưng Yên trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân và quảng bá hình ảnh địa phương. Xây dựng Hưng Yên trở thành điểm đến văn hóa - sinh thái đặc trưng vùng đồng bằng sông Hồng và ven biển, phát triển bền vững và gắn kết chặt chẽ trong chuỗi du lịch liên vùng. Phát huy tối đa các giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan sông nước, làng nghề truyền thống, hệ sinh thái ven biển - ven sông và các giá trị nông nghiệp - nông thôn đặc trưng để xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc và có chiều sâu, đáp ứng nhu cầu đa tầng của khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Phát triển hệ thống dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, đa dạng và toàn diện, nhằm đáp ứng nhu cầu của cả doanh nghiệp, người dân và các nhà đầu tư trong và ngoài nước; hướng tới trở thành trung tâm dịch vụ tài chính - ngân hàng chiến lược của miền Bắc. Xây dựng các trung tâm logistics tập trung, gắn các khu công nghiệp; hình thành trung tâm logistics quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu; phát triển hạ tầng vận tải đa phương thức.

c) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh, văn minh; nâng cao giá trị gia tăng và năng lực

cạnh tranh thông qua ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và phát triển chuỗi giá trị nông sản. Phát huy lợi thế vùng sinh thái ven sông - ven biển - đồng bằng, phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp gắn với chế biến sâu và thị trường tiêu thụ Thủ đô Hà Nội, vùng Thủ đô và đồng bằng sông Hồng. Từng bước hình thành nông nghiệp tri thức, hiệu quả, thu nhập cao, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của quốc gia.

- Xây dựng thương hiệu và mở rộng vùng tiêu thụ các sản phẩm nông sản của tỉnh; liên kết liên ngành cho phát triển nông nghiệp; liên kết liên vùng, liên tỉnh nhằm xây dựng các vùng cung nguyên liệu cho chế biến sâu theo chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu. Tăng cường bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn; phát triển cây phân tán, phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển ngành thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả cao và bền vững, trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng góp phần đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho Nhân dân vùng ven biển.

1.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy nhanh ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ; phấn đấu để tỉnh Hưng Yên trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng sông Hồng; có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm là các lĩnh vực đột phá phát triển của tỉnh. Xây dựng Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm nghiên cứu - đào tạo - ươm tạo - ứng dụng - sản xuất công nghệ cao quy mô vùng đồng bằng sông Hồng.

b) Văn hóa, thể thao

- Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hưng Yên toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn, ưu tiên các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia, gắn với phát triển du lịch bền vững. Đa dạng các hoạt động nghệ thuật biểu diễn; phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa các cấp, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn tỉnh có thế mạnh.

c) Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học, tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị

về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm tinh gọn, hiện đại, đạt chuẩn, đa dạng về loại hình, có cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo hợp lý, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và thị trường lao động. Phần đầu đưa Hưng Yên nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu của cả nước về trình độ, chất lượng phát triển giáo dục và đào tạo.

- Thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia, ASEAN, quốc tế; ưu tiên đào tạo các chuyên ngành kỹ thuật, công nghệ. Có chính sách khuyến khích thúc đẩy đào tạo nghề gắn với chuyển đổi nghề, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển của tỉnh, vùng Đồng bằng sông Hồng.

d) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng hiện đại, chất lượng, đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với lĩnh vực y tế dự phòng; nâng cao các chỉ số đánh giá chất lượng cuộc sống tốt cho người dân; giảm thiểu tỷ lệ bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ người dân.

- Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, tiệm cận tiêu chuẩn Thủ đô; đội ngũ cán bộ y tế có đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng; xây dựng hệ thống y tế chất lượng, đồng bộ, hiệu quả; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người dân, hướng tới đưa Hưng Yên trở thành trung tâm y tế chất lượng cao trong Vùng đồng bằng sông Hồng.

- Khuyến khích, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao. Hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật quốc gia. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe Nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai.

đ) An sinh xã hội

Hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về giáo dục dạy nghề, trợ giúp xã hội và phục vụ tốt cho đời sống nhân dân. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững. Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập; khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội.

e) Quốc phòng, an ninh

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong đấu tranh phòng chống âm mưu “diễn biến hòa

binh”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; chống xâm lược, bảo vệ chủ quyền và an toàn chung của khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ; chủ động, linh hoạt nắm bắt và xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ.

- Xây dựng khu vực phòng thủ, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương; căn cứ hậu cần - kỹ thuật, hệ thống công trình phòng thủ vững chắc. Xây dựng lực lượng công an, quân đội trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện tốt phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

1.3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên dựa trên cấu trúc khung phát triển gồm: 03 vùng kinh tế, 02 hành lang phát triển và các trục phát triển chính yếu, cụ thể:

a) Ba vùng kinh tế

- Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội): có vị trí chiến lược nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của Thủ đô Hà Nội, tiếp giáp trực tiếp với Bắc Ninh, Hải Phòng và Hà Nội, nằm trên trục hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, đóng vai trò cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển dọc theo cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04), Quốc lộ 5, Vành đai 4 và tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên.

- Vùng trung tâm tỉnh: nằm ở trung tâm địa lý của không gian phát triển tỉnh Hưng Yên, có vị trí chiến lược trong việc liên kết vùng động lực phía Bắc với vùng ven biển, đồng thời là trục kết nối quan trọng trong mạng lưới phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và hành lang kinh tế ven biển; là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục của toàn tỉnh, giữ vai trò điều phối, cân bằng và lan tỏa phát triển không gian kinh tế - xã hội giữa hai vùng động lực phía Bắc và vùng kinh tế ven biển phía Nam. Đây là vùng phát triển tổng hợp đa ngành, vừa là hạt nhân hành chính, đô thị, vừa là trung tâm sản xuất, chế biến, thương mại, dịch vụ và logistics nội tỉnh; Phát triển không gian theo mô hình trung tâm tổng hợp hành chính - đô thị - dịch vụ - công nghiệp sạch, trong đó đô thị Phố Hiến là trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục và dịch vụ cấp vùng.

- Vùng ven biển: nằm ở khu vực ven biển phía Đông và Đông Nam của tỉnh, là vùng kinh tế biển tổng hợp, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển hành lang kinh tế ven biển Bắc Bộ, nằm tại trung điểm kết nối giữa Hải Phòng - Ninh Bình, đồng thời là cửa ngõ hướng biển của Hưng Yên. Vùng có lợi thế nổi bật về địa hình ven biển, quỹ đất rộng, giao thông thuận lợi và khả năng phát triển hệ thống cảng biển, khu kinh tế và năng lượng tái tạo; Là vùng động lực tăng trưởng chiến lược mới của tỉnh, được định hướng là trung tâm phát triển kinh tế biển tổng hợp, bao gồm công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo, logistics cảng biển, đô thị - dịch vụ biển và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển; Phát triển không gian theo mô hình “Khu kinh tế tự do gắn với

phát triển đô thị cảng biển, công nghiệp năng lượng xanh” với 03 tiểu vùng chức năng chính: tiểu vùng đô thị - cảng biển phía Đông; tiểu vùng công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến chế tạo; tiểu vùng du lịch, sinh thái biển.

b) Hai hành lang phát triển

- Hành lang sinh thái - kinh tế - văn hóa sông Hồng trải dài dọc theo bờ sông Hồng từ khu vực giáp ranh với Hà Nội đến cửa Ba Lạt, gắn với tuyến đường di sản ven sông Hồng (trục dọc số 03). Phát triển du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái gắn với tuyến đường “Di sản” ven sông Hồng.

- Hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với hệ thống các tuyến cao tốc (CT.16), trục dọc số 02 giữ vai trò xương sống tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời là cửa ngõ giao thương và liên kết vùng quan trọng với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh và Ninh Bình. Là không gian phát triển tổng hợp đa ngành, đa chức năng, bao gồm công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics và đổi mới sáng tạo.

c) Các trục phát triển chính yếu

- Các trục dọc

+ Trục dọc số 01: đây là tuyến có vai trò kết nối dọc địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên và kết nối tới Sân bay Gia Bình, điểm đầu tại phường Thượng Hồng tiếp giáp tỉnh Bắc Ninh, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.387, ĐT.386C, ĐT.468).

+ Trục dọc số 02: điểm đầu tại xã Phụng Công tiếp giáp Thủ đô Hà Nội, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.379, CT.16, ĐT.379C, Phố Hiến - Thái Bình, CT.16, ĐT.464).

+ Trục dọc số 03: điểm đầu tại xã Phụng Công tiếp giáp Thủ đô Hà Nội dọc theo sông Hồng, điểm cuối giao với đường bộ ven biển (gồm các tuyến đường: ĐT.378, ĐT.378B, ĐT.469).

- Các trục ngang

+ Vành đai 4 (CT.38): là trục phát triển chiến lược phía Bắc tỉnh, nằm trong vành đai mở rộng của Thủ đô Hà Nội, kết nối Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh.

+ Cao tốc CT.14 (Chợ Bén - Yên Mỹ), QL.39: là trục ngang động lực của tỉnh phát triển các khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, đô thị - dịch vụ tổng hợp; tạo hành lang công nghiệp - đô thị - thương mại.

+ Vành đai 5 (CT.39): là trục liên kết vùng trung tâm đồng bằng sông Hồng. Trục định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ, trung tâm logistics, đô thị - dịch vụ tổng hợp, tạo hành lang công nghiệp - đô thị - thương mại liên vùng.

+ Cao tốc CT.08: là trục động lực phát triển kinh tế biển gắn với Khu kinh tế tự do Hưng Yên, đóng vai trò “cửa ngõ ra biển” của tỉnh.

2. Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức khu vực nông thôn

2.1. Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị

Định hướng quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên bao gồm cấu trúc 02 hành lang, 03 phân vùng và 18 đô thị theo hướng đô thị mạng lưới, đa cực đa trung tâm và tuyến tính. Cụ thể:

- Giai đoạn 2026-2030, định hướng hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên được điều chỉnh và xác định lại cấu trúc mạng lưới đô thị Tỉnh gồm 18 đô thị, cụ thể:

+ 04 đô thị loại II: đô thị Phố Hiến, đô thị Thái Bình, đô thị Mỹ Hào, đô thị Văn Giang.

+ 14 đô thị loại III: đô thị Long Hưng, đô thị Văn Lâm, đô thị Ân Thi, đô thị Khoái Châu, đô thị Yên Mỹ, đô thị Trà Giang, đô thị Kiến Xương, đô thị Vũ Thư, đô thị Đông Hưng, đô thị Quỳnh Phụ, đô thị Phụ Dực, đô thị Tiền Hải, đô thị Thái Thụy, đô thị Hưng Phú.

- Định hướng sau năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Hưng Yên hình thành 09 khu vực phát triển đô thị đặt trong cấu trúc tổng thể mô hình Mạng lưới - Đa cực - Đa trung tâm - Tuyến tính và mô hình đô thị 30 phút (HungYen30) gồm: (1) đô thị Phố Hiến, (2) đô thị Thái Bình, (3) đô thị Mỹ Hào, (4) đô thị Văn Giang, (5) đô thị Khoái Châu, (6) đô thị Quỳnh Phụ, (7) đô thị Tiền Hải, (8) đô thị Thái Thụy và (9) đô thị Hưng Phú - Ba Lạt; là thành phố trực thuộc Trung ương năm 2045. Toàn tỉnh Hưng Yên là đô thị loại I, có cấu trúc đa cực, đa trung tâm, có hệ thống 09 đô thị trung tâm là các đô thị loại II, III và có hơn 50% số lượng các đơn vị hành chính phường trên tổng số phường đạt tiêu chí là phường loại II.

2.2. Phương hướng tổ chức khu vực nông thôn

Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên phù hợp với các chính sách, mục tiêu nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đặc trưng của tỉnh. Hệ thống điểm dân cư nông thôn tỉnh Hưng Yên phát triển gắn với các trung tâm xã, gắn với hệ thống các đô thị, các khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ hệ sinh thái công nghiệp, làng nghề.

Các trung tâm xã có thể hình thành mới hoặc dựa trên cơ sở các thị trấn cũ là khu vực có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, mật độ dân số cao, có cấu trúc hướng đến hình thành các khu vực “đô thị hóa” thuộc xã nông thôn, là tiền đề phát triển khu vực đô thị hoặc có thể trở thành các khu vực đô thị theo mô hình liên kết đô thị chức năng (FUA) gắn kết với các đô thị liền kề có mối quan hệ lao động việc làm với các đô thị lõi, là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển dịch vụ nông nghiệp, khởi nghiệp và chuyển đổi số khu vực nông thôn.

3. Phương hướng phát triển các khu chức năng

3.1. Phương hướng phát triển Khu kinh tế tự do Hưng Yên

Xây dựng, phát triển Khu kinh tế Hưng Yên thành Khu kinh tế tự do với tính chất là khu kinh tế tích hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, là động lực đột phá cho

phát triển công nghiệp của tỉnh và hình thành một hệ sinh thái sống năng động. Khu kinh tế tự do được vận hành dưới cơ chế phân cấp phân quyền mạnh mẽ, cho phép thử nghiệm các chính sách phát triển mới với cơ chế đặc thù vượt trội, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo không ngừng. Có chức năng phát triển đa dạng các ngành nghề, trong đó tập trung vào các lĩnh vực sản xuất giá trị cao, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và dịch vụ hiện đại. Khu kinh tế tự do đóng vai trò là nền tảng thu hút đầu tư chất lượng cao, thử nghiệm các mô hình phát triển mới và mở rộng không gian tăng trưởng cho vùng Đồng bằng sông Hồng, hướng tới trở thành hình mẫu có thể nhân rộng cho các khu kinh tế trên toàn quốc.

3.2. Phương hướng phát triển Khu công nghiệp

Tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; ưu tiên thành lập mới, mở rộng các khu công nghiệp có vị trí thuận lợi, khả năng thu hút các nhà đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dược - Sinh học đồng bộ, hiện đại, là địa điểm hấp dẫn để thu hút các dự án đầu tư lĩnh vực dược, sinh học...

3.3. Phương hướng phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển cụm công nghiệp với tính chất đa ngành, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh. Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tăng tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập.

3.4. Phương hướng phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Phố Hiến để thu hút các trường đại học, học viện trong nước, quốc tế, trung tâm nghiên cứu và phát triển, viện nghiên cứu... đầu tư xây dựng, góp phần đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hình thành khu nghiên cứu đào tạo tại khu vực Quỳnh Phụ theo hướng trở thành một trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học của vùng và cả nước; tập trung các cơ sở nghiên cứu, hỗ trợ phát triển, ứng dụng công nghệ cao và các cơ sở đào tạo, giáo dục đại học nhằm thu hút các chuyên gia trong các ngành công nghệ cao, chuyên gia có trình độ cao làm công tác nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, giảng dạy.

3.5. Phương hướng phát triển khu du lịch

Tập trung phát triển các khu du lịch: Khu du lịch Phố Hiến; Khu du lịch Đa Hòa - Dạ Trạch; Khu du lịch Cây đa và Đền thờ La Tiến; Khu du lịch sinh thái Ecopark Văn Giang; Khu du lịch Làng Nôm; Khu du lịch nghỉ dưỡng và sân golf Cồn Vành - Cồn Thủ; Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển Cồn Đen; Khu du lịch phố biển Đồng Châu; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí khu vực rừng ngập mặn các xã ven biển...

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án: Sân golf sông Hồng, Sân golf và khu thể thao Quỳnh Lâm, Sân golf Cồn Vành, Sân golf Khoái Châu... gắn với hình thành khu du lịch nghỉ dưỡng thể thao, vui chơi giải trí; phát triển các sân golf

tiềm năng kết hợp với đô thị sinh thái, du lịch sinh thái tại các xã dọc tuyến sông Hồng và một số địa phương tiềm năng trong tỉnh.

3.6. Phương hướng phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

Bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng trong Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả vùng đất ngập nước, bảo đảm việc phát triển kinh tế gắn với việc bảo vệ môi trường và phát huy sự đa dạng của các hệ sinh thái trong các khu bảo tồn thiên nhiên.

3.7. Phương hướng tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Bố trí không gian sản xuất nông nghiệp theo hướng khai thác có hiệu quả điều kiện đất đai, sinh thái địa phương và hạ tầng thủy lợi để hình thành phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, hình thành các dải xanh, vành đai xanh giữa các đô thị, trọng tâm là vùng sản xuất lúa chất lượng cao, ứng dụng công nghệ cao, tại các xã; vùng sản xuất dược liệu tại các xã; vùng cây ăn quả tại các xã.

Chuyển dịch chăn nuôi tập trung trang trại từ vùng có mật độ dân số cao, đô thị đến những vùng có mật độ dân số thấp, các xã có điều kiện bố trí đất đai để phát triển chăn nuôi, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung xa đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư. Tập trung hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tại các xã.

Phát triển mạnh vùng nuôi trồng thủy sản ven biển, tận dụng lợi thế vùng triều và đầm phá, hình thành khu nuôi trồng thủy sản tập trung quy mô lớn, công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái ven biển.

3.8. Phương hướng phân bổ, sử dụng không gian biển

Phân vùng không gian biển tỉnh Hưng Yên có diện tích khoảng 487 km² được chia ra thành các vùng chức năng: (i) Vùng an ninh, quốc phòng; (ii) Vùng cảng biển, giao thông biển và logistics; (iii) Vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản; (iv) Vùng bảo tồn thiên nhiên, lâm nghiệp và nghiên cứu khoa học biển; (v) Vùng khai thác tài nguyên biển; (vi) Vùng khai thác năng lượng tái tạo; (vii) Vùng phát triển du lịch và dịch vụ biển; (viii) Vùng lấn biển phục vụ phát triển công nghiệp và phát triển không gian đô thị.

4. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

4.1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải Quốc gia, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối thúc đẩy phát triển liên kết vùng.

a) Đường bộ

- Hệ thống đường cao tốc: thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên địa bàn tỉnh dự kiến hình thành 06 tuyến cao tốc là: Cao tốc Hà Nội - Hải

Phòng (CT.04); Cao tốc Vành đai 4 (CT.38); Cao tốc Vành đai 5 (CT.19); Cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14); cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08); và tuyến Thái Bình - Hưng Yên (CT.16).

- Hệ thống quốc lộ bao gồm 9 tuyến, cụ thể: QL.5, QL.38, QL.38B, QL.10, QL.39, QL.37, QL.37B, QL.38C và QL.39B. Các tuyến quốc lộ được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng phê duyệt.

- Các tuyến đường tỉnh: Quy hoạch các tuyến đường tỉnh có quy mô tối thiểu đạt cấp II đồng bằng. Các tuyến đường tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo có kết nối đường bộ thuận lợi với các phường, xã và đô thị. Một số tuyến đường liên xã (đường huyện cũ) trọng điểm có kết nối với các trục dọc, vành đai vùng và các trục ngang chính yếu được nâng cấp lên thành đường tỉnh.

b) Đường thủy: đối với các tuyến đường thủy quốc gia, thực hiện theo quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nghiên cứu đầu tư xây dựng một số cảng quan trọng trên sông quốc gia (sông Hồng, sông Trà Lý, sông Luộc, sông Hóa và sông Thái Bình) và tuyến đường bộ kết nối; đề xuất bổ sung công năng một số cảng chuyên dùng hiện có thành cảng tổng hợp theo quy định. Đối với các tuyến đường thủy địa phương, quy hoạch tối thiểu cấp kỹ thuật cấp VI. Quy hoạch các cảng, bến thủy nội địa phù hợp với nhu cầu của địa phương.

c) Đường sắt: đối với hệ thống đường sắt Quốc gia tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối với hệ thống đường sắt vùng và đô thị, quy hoạch các tuyến vùng kết nối các trung tâm đô thị của tỉnh theo các trục dọc số 02, 03... và liên kết các tỉnh thành lân cận.

d) Đường hàng không: nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung 01 cảng hàng không trong Khu kinh tế tự do Hưng Yên vào quy hoạch hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế, du lịch, công tác cứu hộ, cứu nạn, an ninh quốc phòng khu vực biên giới biển.

đ) Hàng hải: cảng biển Hưng Yên thuộc nhóm cảng biển số 1, gồm các khu bến Diêm Điền, khu bến Trà Lý, khu bến Ba Lạt, các khu neo đậu, bến phao chuyên tải và khu neo đậu trú bão tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam và Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nghiên cứu đầu tư bến cảng tại khu bến Trà Lý và khu bến Diêm Điền có thể tiếp nhận tàu trọng tải đến 200.000 tấn phía ngoài khơi cửa Trà Lý và cửa Diêm Điền

e) Hệ thống cảng cạn, trung tâm logistics và các công trình hạ tầng giao thông khác: phát triển hệ thống cảng cạn nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của từng khu vực trên địa bàn tỉnh; đồng thời bổ sung các cảng cạn,

trung tâm logistics và các công trình hạ tầng giao thông khác cho phù hợp với quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế, đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

4.2. Phương hướng phát triển hạ tầng năng lượng

- Tuân thủ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các lưới điện ở các cấp điện áp, kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; bảo đảm cấp điện an toàn, ổn định đáp ứng tiêu chí N-1, phụ tải quan trọng đảm bảo tiêu chí N-2.

- Đẩy nhanh thực hiện lộ trình xây dựng lưới điện thông minh giai đoạn 2026-2030, hạn chế xây dựng các trạm biến áp kiểu AIS, khuyến khích trạm biến áp sử dụng công nghệ GIS-110/22kV.

4.3. Phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển mạng lưới viễn thông băng rộng dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng IoT được tích hợp, ứng dụng rộng rãi trong hạ tầng giao thông, điện nước, đô thị, đáp ứng nhu cầu đô thị thông minh, phục vụ cho phát triển nền kinh tế số, chính quyền số, xã hội số... Nâng cao chất lượng thông tin viễn thông quốc tế, đường dài liên tỉnh và khu vực đảm bảo an toàn an ninh mạng.

- Chuyển đổi về hạ tầng cáp quang thay thế cho toàn bộ mạng cáp đồng; thực hiện ngầm hóa mạng cáp rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và an toàn đô thị.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính tham gia đầu tư, xây dựng, vận hành và chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

4.4. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

- Xây mới và cải tạo, nâng cấp, bổ sung hệ thống thủy lợi để đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, phát triển kinh tế xã hội của địa phương; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công tác quản lý quy hoạch thủy lợi, kết hợp thủy lợi với giao thông nội đồng. Ưu tiên đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình phòng chống úng ngập.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị nông thôn; quy hoạch, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt và chữa cháy, ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Tăng cường khai thác nguồn nước mặt, đến năm 2030 giảm dần khai thác nguồn

nước ngầm, trước mắt chỉ cấp phép khai thác nước ngầm theo công suất được duyệt, đối với các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư, cho phép khai thác.

- Đối với khu vực nông thôn lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi và điều kiện của địa phương. Hướng thoát nước theo địa hình thực tế của khu dân cư thoát ra hệ thống kênh mương, ao hồ của địa phương. Hệ thống thoát nước các đô thị được chia thành các lưu vực thoát nước bảo đảm thoát nước mưa bền vững, an toàn và triệt để.

4.5. Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nước thải, nghĩa trang

a) Phương án phát triển khu xử lý chất thải

- Định hướng chung: chuyển đổi căn bản từ mô hình xử lý phân tán quy mô nhỏ sang mô hình xử lý tập trung, liên vùng, chuyên môn hóa; ưu tiên áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, công nghệ đốt rác phát điện và công nghệ tái chế thân thiện với môi trường nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt xuống dưới 10%.

- Tổ chức không gian xử lý:

+ Khu vực phía Bắc (Vùng công nghiệp trọng điểm): tập trung phát triển các tổ hợp tái chế, xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại chuyên sâu (tại Văn Lâm, Mỹ Hào...) phục vụ toàn tỉnh và khu vực lân cận.

+ Khu vực phía Nam (Vùng ven biển và đồng bằng): tập trung phát triển các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt thu hồi năng lượng quy mô lớn (tại Thái Thụy, Tiền Hải...); từng bước xóa bỏ các lò đốt rác quy mô cấp xã, liên xã không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật.

- Hạ tầng thu gom và vận chuyển: quy hoạch mạng lưới các trạm trung chuyển ép rác kín tại các điểm nút giao thông chiến lược để tối ưu hóa công tác vận chuyển chất thải liên xã, liên vùng.

- Bảo vệ môi trường: thực hiện đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường đối với các bãi chôn lấp cũ gây ô nhiễm; đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho các khu xử lý mới, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước của hệ thống công trình thủy lợi (hệ thống Bắc Hưng Hải, sông Luộc...) và an toàn đê điều.

- Quản lý chất thải nguy hại: yêu cầu các nguồn thải thực hiện nghiêm ngặt việc phân loại tại nguồn; thiết lập luồng vận chuyển chất thải nguy hại an toàn từ các khu vực phát sinh về các khu xử lý tập trung được cấp phép theo quy hoạch.

b) Phương án xử lý nước thải

Đến năm 2030, 100% các khu đô thị có hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải được thu gom, xử lý nước thải công nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn xả ra nguồn hoặc xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Tất cả các nhà máy trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có công trình xử lý nước thải cục bộ trước khi đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung. Các nhà máy xí nghiệp, cơ sở sản xuất nằm ngoài các khu công nghiệp, cụm

công nghiệp phải có công trình xử lý nước thải riêng đạt tiêu chuẩn môi trường. Nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại khu vực đô thị trung tâm, khu kinh tế và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

c) Phương án phát triển các khu nghĩa trang

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn. Bố trí nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Di dời đối với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu về môi trường.

4.6. Phương hướng phát triển phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh, khu vực, trong đó ưu tiên bố trí trụ sở các đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm về phòng cháy và chữa cháy.

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ... đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô tính chất hoạt động của từng đơn vị.

5. Phương hướng phát triển hạ tầng xã hội

5.1. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng y tế

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh của tỉnh Hưng Yên theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hoàn chỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từng bước kiện toàn, nâng cấp tổ chức các khoa, phòng, nhân lực và nâng cấp hạ tầng, thiết bị y tế của các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đảm bảo đủ điều kiện đảm nhận chức năng chuyên môn, chức năng bệnh viện vùng. Đầu tư Bệnh viện đa khoa tỉnh với quy mô 1.500 giường tiêu chuẩn bệnh viện hạng đặc biệt. Nghiên cứu xây dựng Khu phức hợp y tế chuyên sâu khi có đủ điều kiện.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Phát triển mạng lưới các trạm y tế xã, phường đạt chuẩn nâng cao có đủ năng lực tiếp nhận, sàng lọc và chăm sóc ban đầu. Hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu sẵn sàng phòng chống dịch bệnh từ tỉnh đến cơ sở.

5.2. Phương hướng phát triển hạ tầng giáo dục đào tạo

- Đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục các cấp theo hướng chuẩn hóa, tiên tiến, hiện đại; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

- Đầu tư nâng cấp các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, khu nghiên cứu, đào tạo đến năm 2030 đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo.

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, xây dựng cơ chế ưu đãi mang tính đặc thù, tạo điều kiện thu hút các trường đại học vào đầu tư xây dựng trong Khu Đại học Phố Hiến; Đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo hiện có: Trường Đại học Y dược, Đại học Thái Bình, các trường cao đẳng và trường trung cấp; Thành lập 01 Phân viện Học viện Nông nghiệp tại khu vực Hưng Hà; thu hút đầu tư các trường nghề tư thục trên địa bàn tỉnh, trong đó có 01 trường chất lượng cao có vốn đầu tư nước ngoài hoặc trường tư thục chất lượng cao trong Khu kinh tế tự do.

5.3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng và phát triển mạng lưới hạ tầng khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung đầu tư nâng cao năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ, hệ thống đo lường, phòng thí nghiệm tỉnh theo mô hình tiên tiến; xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hạ tầng thông tin thống kê khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao của tỉnh trở thành khu công nghệ cao tiêu biểu của vùng đồng bằng Bắc bộ; thành lập từ 02-03 Khu công nghiệp công nghệ số. Hình thành và phát triển mô hình liên kết giữa viện, trường, cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ số của khu vực và thế giới đến đầu tư.

5.4. Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tại các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh. Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của người dân trong tỉnh. Xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao đa năng cấp tỉnh; xây dựng ít nhất 03 khu công viên cây xanh, vui chơi, giải trí tập trung cho ba vùng động lực phát triển; xây dựng đủ các công trình thể dục, thể thao cơ bản ở các xã, phường, các khu dân cư. Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Cồn Vành, Khu du lịch sinh thái Cồn Đen, Khu du lịch phố biển Đồng Châu; Quần thể di tích Phố Hiến, các khu du lịch thể thao - giải trí...

5.5. Phương hướng phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp quy mô các cơ sở chăm sóc người có công, cơ sở an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho đối tượng được hưởng chính sách xã hội. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở trợ giúp xã hội.

5.6. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại

Phát triển các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp, đáp ứng nhu cầu mua sắm kết hợp vui chơi, giải trí; tập trung thu hút đầu tư các dự án: Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Hưng Yên; trung tâm thương mại, siêu thị; chợ đầu mối, chợ nông thôn và các hạ tầng khác phục vụ phát triển dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh và khu vực.

6. Định hướng sử dụng đất

Sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai, nguồn lực đầu tư, lao động và hạ tầng kỹ thuật của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

7. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

7.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên được phân thành 3 vùng môi trường gồm:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: được xác định bao gồm Khu vực đô thị hiện trạng và dự kiến; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu bảo tồn thiên nhiên: Các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hoá theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải: vùng đệm phát triển không gian xanh của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải và Thái Thụy, và một số vùng nhạy cảm khác.

- Vùng khác: tiểu vùng phát triển công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp tập trung; tiểu vùng phát triển nông nghiệp chất lượng cao; tiểu vùng phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ ven Sông Hồng.

b) Quan trắc môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng thành phần môi trường; bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường mặt nước mặt, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích sông....

c) Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, hệ sinh thái tự nhiên

- Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy có diện tích khoảng 6.560 ha nằm ở vùng ngoài đê biển số 8 của xã Thái Thụy và xã Đông Thụy Anh; Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải có diện tích dự kiến khoảng 12.500 ha nằm ở vùng ngoài đê biển số 5, đê biển số 6 và trong vùng rừng ngập mặn, bãi bồi ven biển, vùng biển các xã Hưng Phú, Nam Cường, Đông Tiên Hải, Đông Châu.

- Xây dựng đề án nghiên cứu thảm thực vật ven cửa sông và quần xã chủ yếu trong hệ sinh thái rừng ngập mặn nhằm phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên của tỉnh Hưng Yên nói riêng và khu vực châu thổ sông Hồng nói chung.

d) Bảo vệ và phát triển rừng

Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi đất rừng ngập mặn ven biển sang mục đích khác. Thu hồi diện tích nuôi trồng hải sản kém hiệu quả để cải tạo mặt bằng tái trồng rừng nhằm khép kín đai rừng. Giữ ổn định diện tích đất rừng đã được quy hoạch.

7.2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

- Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Thời kỳ 2021-2030, thực hiện đóng cửa các mỏ khoáng sản đã hết thời hạn, trữ lượng khai thác; quy hoạch thực hiện và mở rộng các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tận dụng tối đa nguồn vật liệu xây dựng để phát triển hạ tầng đô thị, giao thông.

7.3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho dịch vụ, công nghiệp; (3) nhu cầu nước cho thủy sản, nông nghiệp và các lĩnh vực khác trong đó nước phục vụ sinh hoạt đảm bảo 100% nhu cầu.

- Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế,... và các loại nước thải khác được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Hạn chế cấp phép xả nước thải vào các sông: sông Hồng, sông Trà Lý, sông Hóa, sông Luộc.

7.4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- Theo đặc điểm vị trí địa lý của tỉnh vùng rủi ro thiên tai được phân ra theo khu vực: khu vực ven biển; khu vực ven sông; khu vực nội đồng.

- Các vùng rủi ro thiên tai cụ thể ứng với từng loại hình thiên tai.

+ Vùng ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới cả 3 khu vực trên phạm vi toàn tỉnh hoặc một số địa bàn cấp xã.

+ Vùng ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, ngập lụt: khu vực ven sông, khu vực trong đồng trên phạm vi toàn tỉnh hoặc một số địa bàn cấp xã.

+ Vùng ảnh hưởng: dông lốc, sét, mưa đá: thuộc cả 3 vùng, trên phạm vi một số địa bàn cấp xã.

+ Vùng ảnh hưởng của nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn: trên phạm vi toàn tỉnh hoặc một số địa bàn cấp xã.

+ Vùng ảnh hưởng do rét đậm, rét hại, sương muối trên phạm vi toàn tỉnh hoặc một số địa bàn cấp xã.

+ Vùng ảnh hưởng của sạt lở đất do dòng chảy, sóng xảy ra ở các tuyến kè và sạt lở bờ sông ở các bãi sông trên địa bàn tỉnh, sạt lở bờ biển tại các xã ven biển.

+ Vùng ảnh hưởng của nước dâng trên một số địa bàn các xã vùng ven biển và vùng cửa sông.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Phòng ngừa là chính kết hợp với phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”; sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh; phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng hoàn thiện dần các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; phát triển hạ tầng thủy lợi, chủ động tưới, tiêu theo hướng tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng cạn, cây ăn quả, rau, hoa... và các vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản; xây dựng, thực hiện các đề xuất, tổ chức các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các - bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển.

c) Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Phát triển, trồng và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển chống sạt lở, xâm lấn bờ biển và bảo vệ hệ thống đê biển, trồng tre chắn sóng trên các tuyến đê sông; thực hiện có hiệu quả chương trình trồng rừng ngập mặn, tre chắn sóng.

Cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê điều, chỉ giới tuyến thoát lũ, chỉ giới các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, các khu vực bãi sông được phép nghiên cứu xây dựng. Củng cố đê điều; cải tạo lòng dẫn; xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai; công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai; lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc khí tượng thủy văn, giám sát và cảnh báo thiên tai - hệ thống dùng riêng trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý, sử dụng bãi sông thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đê điều và các pháp luật khác có liên quan.

- Phương án phát triển đê điều.

Nâng cấp tuyến đê bồi Bình Thanh, Bình Định thay thế đoạn đê tả Hồng Hà II từ K193+100 đến K200+400; nghiên cứu điều chỉnh một số tuyến đê khác theo quy định. Hoàn chỉnh mặt cắt đê đảm bảo đủ chiều cao chống lũ; cải tạo, nâng cấp, làm mới công trình kè bảo vệ đê, bãi sông; nâng cấp, xây mới cống dưới đê; làm đường hành lang chân đê; tu bổ, xây dựng công trình phục vụ quản lý, bảo vệ đê điều.

Nghiên cứu quy hoạch đê lấn biển để tạo quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khu kinh tế tự do; xây mới cống Trà Linh ra phía biển nhằm tăng cường khả năng tiêu úng cho hệ thống thủy lợi Bắc Thái Bình, đồng thời ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ cấp nước, trữ nước cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh; tích hợp các tuyến đê chính vào quy hoạch giao thông nhằm hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và dịch vụ cho khu vực ven sông.

IV. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Căn cứ quy định pháp luật về đầu tư công và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bố trí nguồn vốn đầu tư ưu tiên cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng nhằm dẫn dắt, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững các vùng động lực tăng trưởng của tỉnh. Đối với nguồn vốn khác, mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tập trung thu hút đầu tư cho các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, cấp điện, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp,

dịch vụ, chế biến nông, lâm sản tinh có lợi thế cạnh tranh; các ngành mũi nhọn như: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

Xây dựng cơ chế chính sách đột phá phù hợp với quy định của pháp luật để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

Đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống khám, chữa bệnh các tuyến để nâng cao sức khỏe người dân. Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học các cấp và đa dạng hóa các loại hình dạy học nhằm nâng cao đội ngũ nhân lực tương lai. Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo phương án quy hoạch, tạo đột phá quy mô đào tạo. Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động, triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, dự báo nguồn nhân lực của tỉnh Hưng Yên gắn với hệ thống của cả nước; kết nối giữa các cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực với các doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh để triển khai kế hoạch đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm hiệu quả.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy; nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

4. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đảm bảo cân đối ngân sách bố trí cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định. Phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp vào phát triển kinh tế - xã hội... Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao nhằm tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh, của vùng và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyên đổi số, trọng tâm là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng tới xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, hồ sơ sức khỏe điện tử.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển như: Cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực, chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, chính sách phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát, phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị toàn cầu để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

7. Giải pháp về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện các tuyến cao tốc, quốc lộ huyết mạch để định hình bộ khung phát triển mới, đặc biệt là tuyến Cao tốc Hưng Yên - Thái Bình (CT.16). Đẩy nhanh tiến độ các tuyến đường vành đai chiến lược như Vành đai 4 - Vùng Thủ đô và Vành đai 5, cùng tuyến đường bộ ven biển để tăng cường kết nối với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Xây dựng các trục kết nối ngang (Đông - Tây) và hệ thống cầu qua sông Hồng, sông Luộc (như cầu Mỹ Sở, cầu Mai Động, cầu Sa Cao) để phá thế chia cắt, tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận.

- Đầu tư phát triển hệ thống cảng biển nước sâu (khu bến Diêm Điền, Trà Lý, Ba Lạt) gắn với dịch vụ logistics. Nghiên cứu phát triển sân bay gắn liền với cảng biển và khu kinh tế tự do để tạo thành tổ hợp trung tâm logistics đa phương thức. Phát triển mạng lưới cảng cạn (ICD) và bến thủy nội địa tại các khu vực công nghiệp trọng điểm (Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ) để kết nối vận tải thủy bộ.

- Quy hoạch và xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, ưu tiên hạ tầng xử lý môi trường đạt chuẩn quốc tế. Phát triển hạ tầng số, viễn thông băng rộng và các trung tâm dữ liệu (Data Center) tại khu vực ven biển để phục vụ chuyên đổi số và kinh tế số.

8. Giải pháp về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển

Phát triển Khu kinh tế tự do theo mô hình đa ngành: công nghiệp công nghệ cao - logistics cảng biển - thương mại dịch vụ - đô thị biển.

Hình thành chuỗi đô thị biển hiện đại, sinh thái, thông minh tại khu vực ven biển gắn với không gian nghỉ dưỡng và du lịch. Phát triển các sản phẩm du lịch biển đặc sắc như: nghỉ dưỡng biển cao cấp (Cồn Vành, Cồn Thủ), du lịch sinh thái rừng ngập mặn, du lịch thể thao biển và văn hóa ngư dân.

Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, sinh thái tại các vùng bãi triều, kết hợp bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn và đất ngập nước.

9. Giải pháp về phát triển công nghiệp năng lượng

Phát triển năng lượng tái tạo và năng lượng mới. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án điện gió ngoài khơi và trên bờ tại khu vực ven biển (Tiền Hải, Thái Thụy). Phát triển các dự án điện khí LNG (Khí thiên nhiên hóa lỏng) quy mô lớn. Nghiên cứu và thí điểm phát triển năng lượng Hydrogen xanh, điện sinh khối và điện rác để đa dạng hóa nguồn cung năng lượng.

Quy hoạch và hình thành tổ hợp công nghiệp năng lượng - hóa chất tại khu vực ven biển, tập trung vào công nghiệp khí, hóa dầu xanh và sản xuất thiết bị phục vụ ngành năng lượng tái tạo. Thu hút các ngành công nghiệp thâm dụng năng lượng nhưng sử dụng công nghệ cao, sạch (như luyện kim công nghệ mới, vật liệu mới) về khu vực ven biển để tận dụng nguồn năng lượng tại chỗ.

Đầu tư nâng cấp và xây mới hệ thống lưới điện truyền tải 500Kv, 220Kv và các trạm biến áp (như trạm 500kv Hưng Yên, Thái Bình). Hiện đại hóa lưới điện theo hướng thông minh (Smart Grid), tăng cường khả năng liên kết lưới điện khu vực để đảm bảo an ninh năng lượng.

10. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Triển khai xây dựng kế hoạch và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung quy hoạch thành các chương trình, đề án, kế hoạch 05 năm, hằng năm.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức, triển khai thực hiện bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực giám sát, động viên các tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII Kỳ họp thứ 37 nhất trí thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực kể ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTT Hưng Yên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn